

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/ 01/ 2022

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Nam Thắng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Xuân Hùng**.

2. Bà **Vũ Thị Diệu Thúy**

Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Đăng Toàn** - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/ 01/ 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 21/ 10/ 2021 về việc “*Kiên ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã H1, thị xã M, tỉnh H2.

Nơi ở: Đội 8, Ngõ X, thị trấn N, huyện V, tỉnh H2.

* **Bị đơn:** Anh Phạm Tiến D, sinh năm 1986 (*Vắng mặt*).

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã H1, thị xã M, tỉnh H2.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Phạm Minh B, sinh ngày 09/9/2015 (*Vắng mặt*).

Người đại diện theo pháp luật cho cháu B: Anh Phạm Tiến D, sinh năm 1986 (*Vắng mặt*).

Đều đăng ký HKTT: Thôn H, xã H1, thị xã M, tỉnh H2.

2. Cháu Phạm Ngọc Hà P, sinh ngày 09/9/2019 (*Vắng mặt*).

Người đại diện theo pháp luật cho cháu P: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Đều đăng ký HKTT: Thôn H, xã H1, thị xã M, tỉnh H2.

* **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1964 (*Vắng mặt*).

Đăng ký HKTT: Đội 8, thôn Ngõ X, thị trấn N, huyện V, tỉnh H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tiến D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã H, huyện M (*Nay là thị xã M*), tỉnh H vào năm 2015 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới, chị L về chung sống cùng anh D.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Tiến D đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị xã H, huyện M (*Nay là thị xã M*), tỉnh H năm 2015 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn và sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào giữa năm 2017 và liên tục mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Do không thể chịu đựng được nữa nên vào khoảng tháng 3 năm 2018 vợ chồng ly thân, hiện tại chị đang ở nhà bố mẹ đẻ chị tại thị trấn N, huyện V, còn anh D vẫn sống ở thôn H, xã H1. Trong thời gian ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên bảo để vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn nhưng đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên không thể sống chung. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh D để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Phạm Minh B, sinh ngày 09/9/2015, đang ở với anh D, cháu Phạm Ngọc Hà P, sinh ngày 09/9/2019, đang ở với chị. Hiện tại chị đang làm kế toán của Công ty TNHH Brilliant Enterprise (Công ty sản xuất nền, có địa chỉ: thôn Ngọc L, xã N, thị xã M, tỉnh H), với mức thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/ tháng (Mười triệu đồng một tháng). Anh D hiện tại làm công việc tự do nên đều đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy con chung. Vì vậy, khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu P đến khi thành niên và anh D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B đến khi thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Khi ly hôn, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Tiến Dũng trình bày: Anh D xác định vợ chồng đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị L đã trình bày. Anh đồng ý ly hôn với chị Lan A và xin nuôi dưỡng cháu B đến khi thành niên anh yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim T (mẹ chị Lan A) trình bày: Chị L và anh D có mâu thuẫn và anh chị ly thân từ năm 2018 đến nay. Gia đình khuyên bảo để anh chị hàn gắn mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh D, chị A.

[2]. Về con chung: Vợ chồng anh D, chị L có 02 con chung là cháu Phạm Minh B, sinh ngày 09/9/2015, đang ở với anh D, cháu Phạm Ngọc Hà P, sinh ngày

09/9/2019, đang ở với chị L. Hiện tại chị đang làm kế toán của Công ty TNHH Brilliant Enterprise (Công ty sản xuất nền, có địa chỉ: thôn N, xã Ngọc L, thị xã M, tỉnh H), với mức thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/ tháng (Mười triệu đồng một tháng). Anh D hiện tại làm công việc tự do thu nhập 10.000.000 đồng/ tháng. Hai anh, chị đều đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy con chung. Vì vậy, khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu P đến khi thành niên và anh D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B đến khi thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, nhưng không thành. Vì vậy phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lan A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn anh D; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng đến khi thành niên; giao cháu B cho anh D nuôi dưỡng đến khi thành niên; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và giải các quan hệ khác trong hôn nhân, án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tiến D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (*nay là thị xã M*), tỉnh H. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh D nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh D có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã H1, thị xã M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh D và chị L đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D, chị L là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh D và chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Quá trình chung sống, chị L và anh D đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, về việc xây dựng kinh tế gia đình. Từ tháng 3 năm 2018, chị Anh về nhà bố mẹ đẻ; đồng thời anh chị ly thân cho đến nay và không quan tâm đến nhau.

Căn cứ vào lời khai của chị L, lời khai của anh D, lời khai của bà Nguyễn Thị Kim T (mẹ đẻ chị L), Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan Anh và anh Dũng đã xảy ra trầm trọng và kéo dài; tình cảm vợ chồng không còn; thời gian ly thân đã lâu. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu của chị Lan Anh về việc xin ly hôn anh Dũng.

[3] Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là cháu Phạm Minh B, sinh ngày 09/9/2015, đang ở với anh D, cháu Phạm Ngọc Hà P, sinh ngày 09/9/2019. Khi ly hôn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả cháu P cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên; giao cháu B cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng cả hai cháu đều còn nhỏ; anh D và chị L đều đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung; đối với cháu P dưới 03 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng và giao cháu B cho anh D nuôi dưỡng đến khi cháu B trưởng thành theo đúng quy định tại khoản 3 điều 81 - Luật hôn nhân gia đình; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị L và anh D tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, các vấn đề này không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng: Căn cứ các điều 51, 57, 73, 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình;

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Tiến D.

[3]. Về con chung:

- Giao cháu Phạm Ngọc Hà P, sinh ngày 09/9/2019 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên; giao cháu Phạm Minh B, sinh ngày 09/9/2015 cho anh Phạm Tiến D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Chị L và anh D có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này, anh chị có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ số tiền tạm ứng án 300.000đ chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013013 ngày 18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên. Chị L đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - Toà án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Nam Thắng